TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tình

2. Ông Thạch Qươne

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa:* Ông Thạch Săm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2018/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị N, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Em Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/11/2001 là con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Thạch Thị N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Thạch Thị N trình bày:

Bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2000 và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với ông T có một con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/11/2001, con hiện do bà N đang nuôi dưỡng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tính tình không hợp, bà và ông T chung sống không còn hạnh phúc. Ông T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài về và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm lo lắng cho bà. Do đó, bà và ông T không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay.

Nay bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/11/2001 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi, bà Thạch Thị N trình bày bà và ông T có các tài sản chung gồm: 07 con bò trị giá 98.000.000 đồng và 01 xe Honda AIRBLABE biển kiểm soát 84K1 - 278.86 trị giá 40.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi số tài sản này nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thạch Thị N đã làm đơn rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với chia tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên ý kiến rút lại yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Thạch Thị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày của bà Thạch Thị N về thời gian chung sống, không đăng ký kết hôn, về con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là thường hay cãi nhau, chung sống không hạnh phúc và ông không còn tình cảm với bà N. Vì vậy, ông và bà N không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay.

Nay bà Thạch Thị N yêu cầu ly hôn thì ông thống nhất ly hôn với bà Thạch Thị N.

Về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/11/2001 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai ông và bà N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Em Nguyễn Thị C trình bày: Tôi là con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Thạch Thị N, cha mẹ ly hôn tôi có nguyện vọng sống với mẹ là bà Thạch Thị N.

Quan điểm của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà N và ông T là vợ chồng; về con chung, giao con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/11/2001 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng; vấn đề cấp dưỡng nuôi con, bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, do bà N đã tự nguyện rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu này của bà

N; về nợ chung, bà N và ông T khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng bà N và ông T đều khai không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và Ủy ban nhân dân xã P cũng xác nhận bà N và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà N và ông T là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tính tình không hợp, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc; bà N và ông T không còn chung sống từ năm 2010 cho đến nay.

[2] Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T xảy ra trầm trọng và thực tế bà N và ông T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2010 cho đến nay. Bà N xin ly hôn và ông T cũng đồng ý ly hôn. Do bà N và ông T chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Văn T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy từ khi bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Văn T không còn chung sống với nhau thì con chung tên Nguyễn Thị C do bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và bà N vẫn đảm bảo việc nuôi con tốt và em C cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với bà N, ông T đồng ý giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, nên Tòa án giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án có giải thích việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, bà Thạch Thị N có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa bà với ông T nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà Thạch Thị N đã có đơn rút phần yêu cầu khởi kiện đối với chia tài sản chung và tại phiên tòa, bà N vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung trong vụ án này. Tòa án xét thấy, việc bà N rút phần yêu cầu khởi kiện về giải quyết tài sản chung giữa bà và ông T là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, trong vụ án này ông T cũng không có yêu cầu phản tố giải quyết về tài sản chung nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà N.

[6] Về nợ chung: Bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Văn T thống nhất khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Thạch Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39, khoản 2 Điều 244, Điều 218 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 01/11/2001 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung. Bà Thạch Thị N được quyền khởi kiện lại về chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Bà Thạch Thị N và ông Nguyễn Văn T thống nhất khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Bà Thạch Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0014933 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Trà Vinh; bà Thạch Thị N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 3.450.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thắng